

CÔNG TY CỔ PHẦN  
VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI

ngày 15/10/2019

Số: ... 153 ...  
ĐẾN Ngày: 15/01/2020  
Chuyên: .....

**BIÊN BẢN THANH TRA**  
Tại Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội

Thực hiện Quyết định số 153/QĐ-TTr ngày 15/10/2019 của Chánh Thanh tra Bộ Tài chính về thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài chính, kế toán và thuế tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và các doanh nghiệp có vốn đầu tư từ Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Đoàn thanh tra Bộ Tài chính đã tiến hành thanh tra tại Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội từ ngày 25/10/2019 đến ngày 22/11/2019 (làm việc thực tế 9 ngày)

Hôm nay, ngày 17/12/2019 tại Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội (địa chỉ: Số 130 đường Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội). Đoàn thanh tra và Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội họp thống nhất kết quả thanh tra. Thành phần tham dự gồm:

**I. Đoàn thanh tra Bộ Tài chính:**

- Ông: Vũ Hồng Hải - Phó Chánh thanh tra;
- Ông: Đào Xuân Quý - Trưởng phòng: Trưởng đoàn;
- Ông: Phạm Anh Tuấn - Trưởng phòng: Thành viên;
- Ông: Đinh Ngọc Hinh - Phó trưởng phòng: Thành viên;
- Bà: Nguyễn Thị Phương - Thanh tra viên chính: Thành viên;
- Bà: Ngô Thị Liên - Thanh tra viên chính: Thành viên.

**II. Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội:**

- Ông: Nguyễn Việt Hiệp - Tổng giám đốc ;
- Ông: Lê Minh Tuấn - Phó Tổng giám đốc;
- Ông: Nguyễn Hồng Linh - Phó Tổng giám đốc;
- Ông: Vương Khả Sơn - Phó Tổng giám đốc;
- Bà: Phùng Thị Lý Hà - Phó Tổng giám đốc;
- Ông: Lương Văn Chiến - Kế toán trưởng.

Và đại diện các ông, bà các phòng ban thuộc Công ty

**III. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam:**

- Ông: Nguyễn Văn Đĩnh - Phó Ban tài chính kế toán.

**A. KHÁI QUÁT CHUNG**

**1. Thành lập doanh nghiệp và tổ chức kinh doanh**

Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội thành lập theo Quyết định số 3886/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê



duyet phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Vận tải đường sắt Hà Nội thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

Trụ sở chính của Công ty: Số 130 đường Lê Duẩn - Phường Nguyễn Du - Quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100106264 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/09/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12/01/2018.

Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa, hành khách, hành lý bằng đường sắt.

Mã số thuế: 0100106264.

Bộ máy tổ chức gồm: Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, 08 phòng chức năng (Văn phòng, Nhân sự, Tài chính, Kế hoạch đầu tư, Kinh doanh vận tải, An toàn vận tải, Công nghệ thông tin và Quản lý phương tiện), 09 Chi nhánh vận tải, 03 Chi nhánh toa xe, Chi nhánh Đoàn tiếp viên Đường sắt Hà Nội. Chi nhánh dịch vụ vận tải Đa phương thức.

Tổng số lao động có mặt tại thời điểm 31/12/2018 là 4.345 người.

## **2. Tình hình tài chính, tài sản và kết quả kinh doanh**

Theo Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán, một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

- Nguồn vốn kinh doanh tại 31/12/2018 là: 800,589 tỷ đồng; Nợ phải trả: 1.060,992 tỷ đồng (trong đó: nợ ngắn hạn: 423,976 tỷ đồng; nợ dài hạn: 637,015 tỷ đồng); Vốn chủ sở hữu: 718,675 tỷ đồng (trong đó: vốn đầu tư của chủ sở hữu: 800,589 tỷ đồng).

- Tổng tài sản tại 31/12/2018 là: 1.779,668 tỷ đồng, gồm: Tài sản ngắn hạn: 504,260 tỷ đồng; tài sản dài hạn: 1.275,407 tỷ đồng (trong đó: tài sản cố định: 1.211,314 tỷ đồng; các khoản đầu tư tài chính dài hạn: 0,753 tỷ đồng; tài sản dài hạn khác: 43,413 tỷ đồng).

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018: Tổng doanh thu và thu nhập khác : 2.561,545 tỷ đồng (trong đó: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: 2.512,574 tỷ đồng; doanh thu hoạt động tài chính: 11,783 tỷ đồng; thu nhập khác: 37,187 tỷ đồng); Tổng chi phí: 2.558,703 tỷ đồng (trong đó: Giá vốn hàng bán: 2.253,363 tỷ đồng; chi phí tài chính: 44,696 tỷ đồng; chi phí bán hàng: 206,233 tỷ đồng; chi phí quản lý doanh nghiệp: 53,084 tỷ đồng; chi phí khác: 1,326 tỷ đồng); Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN: 2,842 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế: 2,842 tỷ đồng.

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước: Các loại thuế phải nộp đầu năm 2018 là: 1,546 tỷ đồng; phát sinh phải nộp trong năm: 239,507 tỷ đồng; số đã nộp trong năm: 197,291 tỷ đồng; số còn phải nộp cuối năm 2018 là: 20,021 tỷ đồng.

- Tình hình Thanh tra, kiểm toán tại Công ty:



+ Năm 2017, Đoàn kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2016 đã tiến hành kiểm toán tại Công ty;

+ Năm 2019, Đoàn thanh tra Cục thuế Hà Nội đã thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế tại Công ty từ 28/1/2016 đến 31/12/2016, năm 2017, năm 2018 đã có Kết luận thanh tra ký ngày 09/7/2019.

Đoàn Thanh tra không tiến hành thanh tra các nội dung mà các đoàn thanh tra Thanh tra, kiểm toán trước đây đã thực hiện và Kết luận.

## **B. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ TÀI CHÍNH**

### **I. Tình hình thực hiện quy định về tài chính, kế toán**

#### **1. Công ty đã xây dựng và ban hành Điều lệ, các quy chế quản lý, các tiêu chuẩn, định mức:**

- Điều lệ Công ty;
- Quy chế tài chính: Ban hành theo quyết định số 143/QĐ-HĐQT ngày 31/8/2018 của HĐQT Công ty CP VTĐS Hà Nội
- Quy Chế dân chủ: Ban hành theo quyết định số 322/QĐ-VTHN ngày 20/5/2019 của TGD Công ty CP VTĐS Hà Nội
- Quy Chế đối thoại định kỳ: Ban hành theo quyết định số 325/QĐ-HĐQT ngày 27/4/2016 của HĐQT Công ty CP VTĐS Hà Nội
- Quy chế thi đua khen thưởng: Ban hành theo quyết định số 249/QĐ-HĐQT ngày 01/11/2017 của HĐQT Công ty CP VTĐS Hà Nội
- Quy chế làm việc giữa HĐQT và TGD: Ban hành theo quyết định số 270/QĐ-HĐQT ngày 04/12/2017 của HĐQT Công ty CP VTĐS Hà Nội
- Quy chế phân phối lương: Ban hành theo quyết định số 254B/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2016 của HĐQT Công ty CP VTĐS Hà Nội
- Quy chế quản trị nội bộ: Ban hành theo quyết định số 74/QĐ-HĐQT ngày 23/4/2018 của HĐQT Công ty CP VTĐS Hà Nội
- Quy chế SXKD: Ban hành theo quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 24/01/2019 của HĐQT Công ty CP VTĐS Hà Nội
- Quy chế động dờ và thu tiền chiếm dụng toa xe: Ban hành theo quyết định số 232/QĐ-HĐQT ngày 06/10/2017 của HĐQT Công ty CP VTĐS Hà Nội
- Quy chế tạm thời về hỗ trợ người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động: Ban hành theo quyết định số 391/QĐ-VTHN ngày 04/6/2018 của TGD Công ty CP VTĐS Hà Nội
- Quy chế hoa hồng môi giới: Ban hành theo quyết định số 12/QĐ-HĐQT ngày 16/01/2019 của HĐQT Công ty CP VTĐS Hà Nội
- Quy chế kiểm tra giám sát của Hội đồng quản trị: Ban hành theo quyết định số 48/QĐ-HĐQT ngày 26/3/2019 của HĐQT Công ty CP VTĐS Hà Nội



- Quy chế quản lý vé điện tử: Ban hành theo quyết định số 100/QĐ-HĐQT ngày 05/7/2019 của HĐQT Công ty CP VTĐS Hà Nội.

- Quy định quản lý kế hoạch sản xuất kinh doanh: Ban hành theo quyết định số 307/QĐ-VTHN ngày 25/5/2017 của TGD Công ty CP VTĐS Hà Nội

- Quy định quản lý mua sắm vật tư: Ban hành theo quyết định số 119/QĐ-VTHN ngày 11/02/2019 của TGD Công ty CP VTĐS Hà Nội

- Quy định quản lý, sử dụng máy móc thiết bị: Ban hành theo quyết định số 425/QĐ-VTHN ngày 25/7/2017 của TGD Công ty CP VTĐS Hà Nội

- Quy định quy trình quản lý hóa đơn điện tử: Ban hành theo quyết định số 583/QĐ-VTHN ngày 29/9/2017 của TGD Công ty CP VTĐS Hà Nội

- Quy định quản lý, sử dụng kho, bãi hàng hóa: Ban hành theo quyết định số 551/QĐ-VTHN ngày 21/9/2017 của TGD Công ty CP VTĐS Hà Nội

- Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ: Ban hành theo quyết định số 633/QĐ-VTHN ngày 04/9/2018 của TGD Công ty CP VTĐS Hà Nội

- Quy định quản lý chi phí, thực hành tiết kiệm chống lãng phí: Ban hành theo quyết định số 360/QĐ-VTHN ngày 09/5/2016 của TGD Cty CP VTĐS Hà Nội

- Quy trình sửa chữa nhỏ toa xe hàng: Ban hành theo quyết định số 699/QĐ-VTHN ngày 31/10/2019 của TGD Công ty CP VTĐS Hà Nội

- Quy trình sửa chữa nhỏ toa xe khách: Ban hành theo quyết định số 700/QĐ-VTHN ngày 31/10/2019 của TGD Công ty CP VTĐS Hà Nội

- Quy trình sửa chữa lớn toa xe hàng: Ban hành theo quyết định số 698/QĐ-VTHN ngày 31/10/2019 của TGD Công ty CP VTĐS Hà Nội

- Quy trình sửa chữa lớn toa xe khách: Ban hành theo quyết định số 697/QĐ-VTHN ngày 31/10/2019 của TGD Công ty CP VTĐS Hà Nội

## **2. Tình hình thực hiện pháp luật về kế toán, thống kê, kiểm toán:**

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính;

- Công ty đã lập và gửi Báo cáo tài chính năm 2018 đến các cơ quan: UBCK NN, Sở GDCK Hà Nội, Cục Thuế TP Hà Nội, TCT ĐSVN.

## **3. Tình hình chấp hành pháp luật về công bố thông tin (đối với công ty TNHH MTV); chấp hành pháp luật về chứng khoán (đối với Công ty đại chúng).**

- Hằng quý, năm Công ty lập báo cáo tài chính và nộp các cơ quan chức năng cũng như việc công bố thông tin đầy đủ theo quy định.

- Thực hiện công bố kết quả kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và năm

tài chính đầy đủ, kịp thời.

- Công khai đầy đủ các thông tin về kết luận thanh tra, kiểm tra và kiểm toán của các cơ quan chức năng quản lý Nhà nước.

## **II. Tình hình quản lý và sử dụng vốn, tài sản tại Công ty**

### **1. Tình hình quản lý và huy động vốn**

#### **1.1. Quản lý vốn chủ sở hữu**

Theo báo cáo Tài chính nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty thời điểm 31/12/2018 là 718.675.869.658 đồng theo bảng sau:

*Đơn vị tính: đồng*

<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>Tại 31/12/2018</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>800.589.700.000</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	800.589.700.000
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-84.926.096.705
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	<b>0</b>
<b>Tổng cộng (I+II)</b>	<b>718.675.869.658</b>

*Qua thanh tra:*

- Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 12/01/2018 là 800.589.700.000 đồng. Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng, tổng số cổ phần: 80.580.970. Trong đó:

+ Cổ phần của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam nắm giữ 73.352.196 cổ phần, chiếm 91,62% vốn điều lệ;

+ Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp 6.519.774 cổ phần, chiếm 8,15% vốn điều lệ;

+ Cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư thông thường 187.000 cổ phần, chiếm 0,23% vốn điều lệ.

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Đầu năm 2018 là: 800.589.700.000 đồng; Tăng trong năm là: Không; Giảm trong năm: Không; Dư cuối năm 2018 là: 800.589.700.000 đồng.

- Chênh lệch đánh giá lại tài sản: Trong năm 2018 phát sinh tăng: Không; Dư cuối năm 2018 là: Không.

- Lợi nhuận chưa phân phối: Đầu năm 2018: -87.767.822.492 đồng; Tăng trong năm: 2.841.725.787 đồng; Dư cuối năm là: -84.926.096.705 đồng.

- Về bảo toàn và phát triển vốn của Công ty:



Vận dụng điểm b, Khoản 3, Điều 22 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý và sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định về bảo toàn vốn của doanh nghiệp nhà nước thì:

*"Định kỳ hàng năm doanh nghiệp phải đánh giá mức độ bảo toàn vốn của doanh nghiệp, phương pháp đánh giá như sau:*

*a) Sau khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp không phát sinh lỗ hoặc có lãi, doanh nghiệp bảo toàn vốn.*

*b) Trường hợp sau khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bị lỗ (bao gồm trường hợp còn lỗ lũy kế), doanh nghiệp không bảo toàn được vốn".*

Theo báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty, lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2018 của Công ty là 2.841.725.787 đồng. Lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2018 là: (84.926.096.705 đồng). Theo quy định nêu trên, Công ty không bảo toàn được vốn.

### **1.2. Quản lý nợ phải trả**

Nợ phải trả theo Báo cáo tài chính của Công ty tại 31/12/2018 là: 1.060.992.235.059 đồng, chi tiết theo bảng sau:

*Đơn vị tính: đồng*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Tại 31/12/2018</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>423.976.922.073</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	72.159.064.896
2	Phải trả người bán	70.812.656.730
3	Người mua trả tiền trước	7.677.088.413
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20.021.512.887
5	Phải trả người lao động	70.719.806.470
6	Chi phí phải trả	8.716.681.936
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.279.770.948
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	96.000.000
9	Doanh thu chưa thực hiện	160.494.338.793
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>637.015.312.986</b>
1	Phải trả dài hạn khác	6.592.000.000
2	Vay và nợ dài hạn	571.836.801.455
3	Phải trả người bán dài hạn	58.586.511.531
	<b>Cộng (I+II)</b>	<b>1.060.992.235.059</b>

#### **1.2.1. Quản lý nợ phải trả ngắn hạn**



- Vay và nợ ngắn hạn: Số dư tại thời điểm 31/12/2018: 72.159.064.896 đồng là những khoản nợ dài hạn ngân hàng đến hạn trả gốc năm 2019, cụ thể:

+ Ngân hàng BIDV: Đến hạn phải trả gốc vay vốn thực hiện dự án "Nâng cấp, cải tạo 20 toa xe B80 thành An lắp ĐHKK" số tiền: 3.840.000.000 đồng.

+ Ngân hàng MB: Đến hạn phải trả gốc vay vốn thực hiện dự án "Nâng cấp, cải tạo 65 TX thuộc ram tàu SE5/6 thay thế ram tàu SE1/2" số tiền: 8.691.652.000 đồng.

+ Ngân hàng VIB: Đến hạn trả gốc vay vốn thực hiện dự án "Hoán cải, nâng cấp 28 TX B80 không ĐHKK thành TX A64 ngồi mềm lắp ĐHKK" số tiền: 5.616.174.540 đồng.

+ Ngân hàng VIB: Đến hạn phải trả gốc vay vốn thực hiện dự án "Đóng mới 250 toa xe Mc" số tiền: 23.717.146.356 đồng.

+ Ngân hàng PGB: Đến hạn phải trả gốc vay vốn thực hiện dự án "Đầu tư mua mới 30 toa xe khách" số tiền: 16.368.892.000 đồng.

+ Ngân hàng VCB: Đến hạn phải trả gốc vay vốn thực hiện dự án "Đầu tư mua mới 30 TXK vận chuyển hành khách tuyến Hà Nội – Tp.HCM" số tiền: 13.925.200.000 đồng.

Hàng năm, căn cứ vào số tiền trả gốc và kỳ hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với các Ngân hàng, Công ty đã xây dựng kế hoạch trả nợ gốc, lãi và bố trí vốn trả nợ ngân hàng đúng thời gian quy định.

- Phải trả người bán: Số dư tại thời điểm 31/12/2018 là: 70.812.656.730 đồng. Cuối năm 2018, Công ty đã đối chiếu xác nhận nợ số tiền: 68.703.344.131 đồng (chiếm 97,02%), số không có xác nhận: 2.109.312.599 đồng (chiếm 2,98%). Số không có xác nhận nợ chủ yếu do được thanh toán vào đầu tháng 01/2019.

- Người mua trả tiền trước tại thời điểm 31/12/2018 là: 7.677.088.413 đồng. Cuối năm 2018, đã đối chiếu xác nhận nợ số tiền 7.677.088.413 đồng (chiếm 100% số tiền người mua trả tiền trước).

- Phải trả người lao động tại thời điểm 31/12/2018 là: 70.719.806.470 đồng là khoản tiền lương phải trả người lao động. Công ty báo cáo đến thời điểm 31/3/2019, Công ty đã chi trả cho người lao động.

- Chi phí phải trả tại thời điểm 31/12/2018 là: 8.716.681.936 đồng, trong đó:

+ Chi phí lãi vay phải trả năm 2018 của các khoản vay của các tổ chức tín dụng: 5.119.813.986 đồng;

+ Một số khoản chi phí đã phát sinh nhưng chưa có hóa đơn GTGT (tiền điện, nước, cước điện thoại ...) số tiền: 3.596.867.950 đồng, trong đó chi phí phải trả đã trích chi phí vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ trước năm 2018 số tiền: 3.596.867.950 đồng.



- Các khoản phải trả, phải nộp khác tại thời điểm 31/12/2018 là: 13.279.771.948 đồng; trong đó chủ yếu gồm:

- + Tiền thừa giấy báo thu của chủ hàng: 6.282.879.512 đồng;
- + Tiền các Cty đặt cọc thực hiện hợp đồng: 2.815.626.750 đồng;
- + Cước LVQT phải trả cho Trung quốc: 719.381.654 đồng;
- + Tiền đảm bảo thực hiện hợp đồng: 336.600.000 đồng;
- + Tiền BHHK phải trả Cty BH bưu điện Âu Lạc: 315.614.000 đồng;

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi tại thời điểm 31/12/2018 là: 96.000.000 đồng. Khoản quỹ này được trích lập từ thời điểm Công ty TNHH MTV chuyển đổi sang Công ty Cổ phần (27/01/2016), đến thời điểm hiện tại Công ty chưa sử dụng quỹ trên.

### **1.2.2. Về quản lý nợ phải trả dài hạn:**

- Phải trả dài hạn khác tại thời điểm 31/12/2018 là 6.592.000.000 đồng là khoản tiền Công ty nhận ký cược, ký quỹ của các đối tác làm đại lý bán vé cho Công ty. Khoản tiền này sẽ được thanh toán hoàn trả các đại lý khi hết hạn hợp đồng.

- Vay và nợ dài hạn: Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2018 là: 571.836.801.455 đồng là khoản Công ty đầu tư mua mới; nâng cấp, cải tạo toa xe, gồm:

+ Ngân hàng BIDV: Dư vay 5.760.000.000 đồng; Tổng hạn mức là 32.450.000.000 đồng, số tiền đã giải ngân đến 31/12/2018 là 26.907.694.760 đồng. Mục đích vay: thực hiện dự án "Nâng cấp, cải tạo 20 toa xe B80 Thành An lắp ĐHKK" năm 2013; Lãi suất 10,9%/năm.

+ Ngân hàng MB: Dư vay 30.424.870.000 đồng; Tổng hạn mức là 52.154.000.000 đồng, số tiền đã giải ngân đến 31/12/2018 là 52.154.000.000 đồng. Mục đích vay: thực hiện dự án "Nâng cấp, cải tạo 65 TX thuộc ram tàu SE5/6 thay thế ram tàu SE1/2" năm 2015; Lãi suất 9%/năm.

+ Ngân hàng VIB: Dư vay 30.888.959.960 đồng; Tổng hạn mức là 50.000.000.000 đồng, số tiền đã giải ngân đến 31/12/2018 là 36.505.134.500 đồng. Mục đích vay: thực hiện dự án "Hoán cải, nâng cấp 28 TX B80 không ĐHKK thành TX A64 ngồi mềm lắp ĐHKK" năm 2016; Lãi suất 9,03%/năm.

+ Ngân hàng VIB: Dư vay 142.361.599.389 đồng; Tổng hạn mức là 233.600.000.000 đồng, số tiền đã giải ngân đến 31/12/2018 là 166.078.745.743 đồng. Mục đích vay: thực hiện dự án "Đóng mới 250 toa xe Mc" năm 2016; Lãi suất 8,98%/năm.

+ Ngân hàng PGB: Dư vay 229.164.399.000 đồng; Tổng hạn mức là 270.000.000.000 đồng, số tiền đã giải ngân đến 31/12/2018 là 242.330.542.000 đồng. Mục đích vay: thực hiện dự án "Đầu tư mua mới 30 toa xe khách" năm 2017; Lãi suất 9,40%/năm.



+ Ngân hàng VCB: Dư vay 205.396.038.000 đồng; Tổng hạn mức là 226.000.000.000 đồng, số tiền đã giải ngân đến 31/12/2018 là 212.396.038.000 đồng. Mục đích vay: thực hiện dự án "Đầu tư mua mới 30 toa xe khách vận chuyển hành khách tuyến Hà Nội – Tp.HCM" năm 2018; Lãi suất 9,00%/năm.

- Doanh thu chưa thực hiện tại thời điểm 31/12/2018 là: 160.494.338.793 đồng, chủ yếu là khoản doanh thu bán vé phục vụ nhân dân đi lại trong dịp tết Nguyên đán.

### 1.2.3. Đánh giá hệ số trả nợ:

Theo quy định về bảo đảm hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu và vận dụng đối với các doanh nghiệp có đầu tư vốn của nhà nước: Tại khoản 2, điều 10, mục 1, chương 3, Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: "Doanh nghiệp phải đảm bảo hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp không vượt quá 3 lần...".

Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu theo Báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 là Hn = 1,476 lần; Công ty đảm bảo khả năng trả nợ theo quy định.

## 2. Tình hình quản lý và sử dụng tài sản

### 2.1. Quản lý tài sản cố định

Giá trị tài sản cố định theo Báo cáo tài chính năm 2018:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tại 01/01/2018	3.037.505.068.017	2.075.875.055.782	961.630.012.235
Tăng trong năm	442.766.681.566	180.419.136.000	262.347.545.566
Giảm trong năm	112.241.944.950	99.579.095.785	12.662.816.165
Tại 31/12/2018	3.368.029.804.633	2.156.715.095.997	1.211.314.708.636

Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty có thực hiện kiểm kê tài sản cố định hữu hình và thực hiện quản lý, hạch toán, trích khấu hao tài sản cố định theo đúng quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

### 2.2. Đầu tư xây dựng cơ bản dở dang:

Số dư tại thời điểm 31/12/2018 là: 19.428.256.215 đồng, gồm:

- Mua sắm TSCĐ: 17.036.753.092 đồng
- + Đầu tư mới đoàn tàu nhẹ Hà Nội - Vinh: 673.081.818 đồng
- + Cải tạo, nâng cấp toa xe khách: 16.320.471.274 đồng
- + Mua mới TSCĐ giao cho CN: 43.200.000 đồng



- Xây dựng cơ bản (Nhà lưu trú, bếp ăn ga Lao Cai): 2.391.503.123 đồng

Trong các dự án đầu tư xây dựng cơ bản dở dang nêu trên có 02 dự án đã bỏ chi phí đầu tư với số tiền 3.064.584.941 đồng từ những năm 2015 và hiện nay đã tạm dừng gây lãng phí về vốn, cụ thể:

(1) Dự án đầu tư mới đoàn tàu nhẹ Hà Nội - Vinh, tổng số tiền đã chi đến 31/12/2015 là 673.081.818 đồng. Đây là dự án được Tổng công ty Đường sắt Việt nam phê duyệt tại Quyết định số 2713/QĐ-ĐS ngày 31/12/2015 với Tổng mức đầu tư 548.532,6 triệu đồng, đầu tư bằng hình thức nhập khẩu nguyên chiếc đồng bộ 30 toa xe. Sau thời điểm cổ phần hóa ngày 24/8/2016, Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt nam đã ban hành Nghị quyết số 12-16/NQ-HĐTV với nội dung dừng thực hiện dự án giao người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần vận tải Đường sắt Hà Nội thông qua chủ trương đầu tư toa xe nhẹ, chất lượng cao do các đơn vị công nghiệp đường sắt trong nước chế tạo đóng mới. Công ty cổ phần vận tải Đường sắt Hà Nội có Tờ trình số 2708/TTr-VTHN ngày 8/11/2018 trình Hội đồng quản trị hạch toán khoản tiền trên vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

(2) Dự án Xây dựng cơ bản (Nhà lưu trú, bếp ăn ga Lào Cai), tổng số tiền đã chi đến 31/12/2018 là 2.391.503.123 đồng. Đây là dự án được Tổng công ty Đường sắt Việt nam phê duyệt tại Quyết định số 140/QĐ-ĐS ngày 04/02/2015 giao cho Công ty TNHH MTV vận tải đường sắt Hà Nội nay là Công ty cổ phần vận tải Đường sắt Hà Nội làm chủ đầu tư. Ngày 16/6/2017, Tổng công ty Đường sắt Việt nam đã có Văn bản số 1740/ĐS-KHKD thông báo ý kiến của Hội đồng thành viên yêu cầu người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần vận tải Đường sắt Hà Nội thông qua Hội đồng quản trị tạm dừng dự án chờ chủ trương mới của Tổng công ty Đường sắt Việt nam. Đến nay dự án vẫn dừng thực hiện dẫn đến có nguy cơ mất vốn khoản đầu tư trên.

Việc tạm dừng triển khai 02 dự án nêu trên thuộc trách nhiệm Công ty cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội, Tổng công ty đường sắt Việt Nam.

**2.3. Đầu tư tài chính:** Đầu tư tài chính theo Báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 số tiền: 753.000.000 đồng (chiếm 0,094% vốn điều lệ) chi tiết theo bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Các khoản đầu tư	Tại 31/12/2018
I	Đầu tư tài chính ngắn hạn	
II	Đầu tư tài chính dài hạn	753.000.000
1	Đầu tư vào công ty con	
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	
3	Đầu tư dài hạn khác	753.000.000
	<b>Tổng cộng (I+II)</b>	<b>753.000.000</b>



**2.3.1. Đầu tư tài chính ngắn hạn:** Tại thời điểm 31/12/2018 là: Không.

**2.3.2. Đầu tư tài chính dài hạn:** Đầu tư tài chính dài hạn khác: Tại thời điểm 31/12/2018 đầu tư số tiền: 753.000.000 đồng (chiếm 100% đầu tư tài chính dài hạn).

#### **2.4. Quản lý các khoản phải thu**

Nợ phải thu ngắn hạn theo Báo cáo tài chính của Công ty tại 31/12/2018 là: 119.560.251.320 đồng, chi tiết theo bảng sau:

*Đơn vị tính: đồng*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Tại 31/12/2018</b>
1	Phải thu khách hàng	77.420.955.893
2	Trả trước cho người bán	21.861.240.983
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	0
4	Các khoản phải thu khác	20.278.054.444
	<b>Cộng</b>	<b>119.560.251.320</b>

- Phải thu khách hàng: 77.420.955.893 đồng gồm 138 khách hàng. Cuối năm 2018 đã đối chiếu xác nhận nợ: 67.718.356.667 đồng của 70 khách hàng (chiếm 87,46 % số nợ phải thu khách hàng); chưa đối chiếu hoặc gửi bản đối chiếu xác nhận nợ nhưng chưa nhận được số tiền: 9.702.599.266 đồng của 68 khách hàng (chiếm 12,54% nợ phải thu khách hàng). Nguyên nhân chưa đối chiếu do hầu hết các khoản công nợ này đã được thanh toán vào tháng 1/2019.

- Trả trước cho người bán: 21.861.240.983 đồng, gồm 15 khách nợ. Cuối năm 2018 đã đối chiếu xác nhận nợ số tiền: 21.073.083.791 đồng của 11 khách hàng (chiếm 96,39% trả trước cho người bán), còn lại chưa đối chiếu là các khoản công nợ được thanh toán vào tháng 1/2019.

- Các khoản phải thu khác: 20.278.054.444 đồng, đã được đối chiếu và xác nhận nợ số tiền 3.351.468.693 đồng chiếm 16,53%; chưa đối chiếu 12.478.863.479 đồng chiếm 61,53%; số còn lại đã được thanh toán vào tháng 01/2019 là 4.447.722.272 đồng chiếm 21,94%. Các khoản phải thu khác không có đối chiếu nguyên nhân là các khoản chi phí chuyển tải do sập cầu Gành (chờ tòa phán quyết); tiền trợ cấp thôi việc đã trả người lao động song phải thu từ các đơn vị bên ngoài (không có thông tin các đơn vị để đối chiếu và thu hồi); tiền lãi ngân hàng dự thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm; phải thu từ việc giải quyết sự cố, bảo lũ, các vụ tai nạn, trở ngại chạy tàu khác.

Tính đến thời điểm 31/12/2018, Công ty phát sinh các khoản nợ phải thu quá hạn số tiền 25.874.847.991 đồng (chiếm 22% trên tổng nợ phải thu), cụ thể như sau:

- Công nợ của khách hàng quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm số tiền: 1.186.460.000 đồng, đã đối chiếu xác nhận nợ.



- Công nợ của khách hàng quá hạn từ 2 đến 3 năm số tiền: 7.063.657.330 đồng; đã đối chiếu xác nhận nợ số tiền 2.809.165.935 đồng, số tiền 4.254.491.395 đồng không có đối chiếu do phải chờ các cơ quan chức năng phán quyết và kết luận (là chi phí khắc phục các sự cố trở ngại chạy tàu khác cũng như giải quyết khắc phục bão lũ).

- Công nợ của khách hàng quá hạn trên 3 năm số tiền: 17.624.730.661 đồng, đã đối chiếu xác nhận nợ số tiền 8.974.688.150 đồng, chưa đối chiếu xác nhận nợ số tiền 8.650.042.511 đồng, trong đó (chi phí giải quyết sự cố sập cầu gành tại Đồng Nai là 4.729.141.376 đồng, chờ các cơ quan chức năng phán quyết và kết luận; tiền trợ cấp thôi việc đã trả người lao động song phải thu từ các đơn vị bên ngoài: 2.232.395.361 đồng; còn lại số tiền là 1.688.505.774 đồng không có đối chiếu do các công ty bỏ trốn, mất khả năng thanh toán).

- Công ty trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi số tiền 15.217.943.440 đồng, Đoàn thanh tra không kiểm tra do Cục thuế thành phố Hà Nội đã thực hiện kiểm tra tại Biên bản thanh tra thuế ngày 5/7/2019.

Qua thanh tra thấy, một số khoản nợ khó có khả năng thu hồi:

(1) Khoản công nợ phải thu tồn đọng: 9.709.953.924 đồng:

- Tại cơ quan Công ty: 8.974.688.150 đồng. Đây là khoản công nợ Công ty nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV vận tải hàng hóa Đường sắt (ngày 01/04/2014). Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc cho phép Công ty cổ phần dịch vụ đường sắt khu vực I nợ cước vận chuyển với mức dự nợ hàng tháng không vượt quá 10 tỷ đồng theo Quyết định số 172/QĐ/ĐS-TCKT ngày 18/02/2003 của Tổng công ty ĐSVN về việc ban hành tạm thời quy chế trả chậm cước vận chuyển hàng hóa. Khoản công nợ này tồn tại từ năm 2008 đến nay, Công ty đã gửi đơn kiện ra tòa án quận Đống Đa và đang tiếp tục làm việc với tòa án để giải quyết theo quy định.

- Tại Chi nhánh toa xe hàng: 735. 265. 774 đồng. Theo hợp đồng kinh tế số 11,12/HĐKT-HHN ngày 22/03/2011, giữa Xí Nghiệp Vận Dụng Toa Xe Hàng Hà Nội (trước đây trực thuộc Cty TNHH MTV VTHH ĐS) và Xí Nghiệp Vận Dịch vụ Vận Tải & Thương mại Đường Sắt Hà Nội thuộc Công ty cổ phần dịch vụ đường sắt khu vực I về việc sửa chữa toa xe hàng. Chi nhánh toa xe đã thực hiện sửa chữa toa xe cho Xí Nghiệp Vận Dịch vụ Vận Tải & Thương mại Đường Sắt Hà Nội từ tháng 03/2011 đến tháng 09/2012 với tổng giá trị thanh toán là: 1.568.626.136 đồng, đến tháng 6/2012 còn chưa thanh toán số tiền 735.265.774 đồng. Khoản công nợ này được đối chiếu và ký xác nhận hàng quý, năm đều đặn kể từ năm 2012 đến quý 3/2016. Tuy nhiên từ thời điểm đó cho đến nay không có đối chiếu, xác nhận công nợ, khó có khả năng thu hồi.

(2) Khoản công nợ phải thu tồn đọng của Công ty TNHH Nguyên Trung 650.000.000 đồng:

Thực hiện Văn bản số 684/ĐS-TCKT ngày 09/4/2010 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc giải quyết cho chủ hàng trả chậm cước với mức dự nợ thường xuyên 700.000.000 đồng/tháng. Đến cuối năm 2010, sau khi công ty



TNHH Nguyên Trung dừng vận chuyển, Công ty đã có Văn bản đòi nợ và yêu cầu phía Ngân hàng bảo lãnh trích chuyển tiền từ tài khoản của Công ty TNHH Nguyên Trung, tài khoản của Nguyên Trung không còn đủ số dư, Ngân hàng chỉ thu được 50.000.000 đồng để trả cho Công ty. Khoản phải thu phát sinh từ trước năm 2010, đến nay còn theo dõi trên sổ sách, nhưng đến nay không có đối chiếu, xác nhận công nợ, khó có khả năng thu hồi.

(3) Khoản công nợ phải thu tồn đọng của Công ty cổ phần tư vấn Đầu tư và xây dựng GTVT số tiền 2.809.165.935 đồng.

Theo Biên bản thỏa thuận liên danh về việc thực hiện gói thầu GS2C - Thiết kế và lắp đặt (EC) thiết bị xử lý chất thải sinh hoạt trên 473 toa xe khách của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam ngày 18/3/2015 giữa ba đơn vị: Công ty cổ phần tư vấn Đầu tư và xây dựng GTVT; Công ty cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội và Công ty cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn. Số tiền Công ty cổ phần tư vấn Đầu tư và Xây dựng GTVT còn nợ đến 31/12/2018 là: 2.809.165.935 đồng. Trong năm 2019, đã bù trừ công nợ số tiền 347.594.615 đồng, số tiền Công ty cổ phần tư vấn ĐT và Xây dựng GTVT còn nợ đến 30/9/2019 là: 2.461.571.320 đồng. Ngày 05/12/2019, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần tư vấn Đầu tư và xây dựng GTVT đã có văn bản số 369/TRICC-CV-QLKD về việc cam kết trả hết.

Khoản công nợ này tồn tại từ năm 2015, Công ty cần xác định rõ nguyên nhân, vướng mắc và có giải pháp triệt để, để thực hiện thu hồi công nợ.

Trách nhiệm dẫn đến các khoản công nợ khó thu hồi nêu trên thuộc về Công ty cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội, trách nhiệm chỉ đạo, giám sát thuộc về Tổng công ty đường sắt Việt Nam

**2.5. *Tạm ứng:*** tại ngày 31/12/2018 là: 931.667.889 đồng, gồm 43 đối tượng, cuối năm 2018 đã đối chiếu xác nhận nợ số tiền: 931.667.889 đồng, gồm 43 đối tượng (chiếm 100% số nợ tạm ứng).

**2.6. *Chi phí trả trước dài hạn:*** Tại thời điểm 31/12/2018 là: 43.413.486.831 đồng, trong đó:

+ Chi phí SCL TSCĐ chờ phân bổ: 39.203.862.764 đồng.

+ Chi phí trang thiết bị và dụng cụ làm việc chờ phân bổ: 4.209.624.067 đồng.

**2.7. *Quản lý hàng tồn kho:***

Giá trị hàng tồn kho theo Báo cáo tài chính của Công ty CP VTĐS Hà Nội tại thời điểm 31/12/2018 là: 85.584.906.900 đồng, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Nội dung	Tại 31/12/2018
1	Nguyên liệu, vật liệu	79.849.400.556
2	Công cụ, dụng cụ	973.459.902
3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.348.693.372



4	Thành phẩm	1.057.369.533
5	Hàng hóa	355.983.537
	<b>Cộng</b>	<b>85.584.906.900</b>

Tại thời điểm 31/12/2018 Công ty đã thực hiện kiểm kê nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ và sản lượng dở dang các công trình thi công đầy đủ.

### **2.8. Tình hình thực hiện cấp Giấy CN QSDĐ:**

Hiện Công ty được giao quản lý, sử dụng 18 cơ sở nhà đất, đến nay có 14/18 cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận sử dụng đất/Hợp đồng thuê đất. Công ty đã phối hợp với liên ngành Thành phố Hà Nội và Ban chỉ đạo 09 để được thống nhất về phương án sử dụng. Tuy nhiên, ngày 31/12/2018, Chính Phủ ban hành Nghị định 167/2017/NĐ-CP và bãi bỏ QĐ 09/2007 của Thủ tướng Chính phủ nên Công ty sẽ phải liên hệ lại với các sở ban ngành để kê khai làm việc lại từ đầu (Ban chỉ đạo 09 các tỉnh đã giải thể khi QĐ 09/2007 bị bãi bỏ).

Theo báo cáo của Công ty: Ngày 10/8/2019, Tổng công ty ĐSVN đã có văn bản số 2551/ĐS-QLHT gửi Bộ GTVT về việc đề nghị chấp thuận phương án sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà đất tại Thành phố Hà Nội của Tổng công ty, tuy nhiên, đến nay chưa có văn bản trả lời của Bộ GTVT. Vì vậy, để có cơ sở triển khai cấp Giấy chứng nhận sử dụng đất/Hợp đồng thuê đất theo hướng dẫn của các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội đề nghị các cấp có thẩm quyền (Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Bộ Tài chính...) chấp thuận phương án sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà đất tại Tổng công ty ĐSVN nói chung và Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội nói riêng.

### **III. Việc hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh**

#### **1. Việc hạch toán doanh thu và thu nhập khác**

Tổng doanh thu và thu nhập khác theo báo cáo tài chính của Công ty năm 2018 là: 2.561.545.126.494 đồng, chi tiết theo bảng sau:

<i>Đơn vị tính: đồng</i>		
<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2018</b>
1	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	2.512.573.956.925
2	Doanh thu hoạt động tài chính	11.783.464.994
3	Thu nhập khác	37.187.704.575
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.561.545.126.494</b>

#### **2. Việc hạch toán chi phí**

Tổng chi phí theo báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty là 2.558.703.400.707 đồng, chi tiết theo bảng sau:

*Đơn vị tính: đồng*



TT	Chỉ tiêu	Năm 2018
1	Giá vốn hàng bán	2.253.363.141.510
2	Chi phí tài chính	44.695.824.360
3	Chi phí bán hàng	206.233.115.546
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	53.084.379.686
5	Chi phí khác	1.326.939.605
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.558.703.400.707</b>

### 3. Việc báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế theo Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty là: 2.841.725.787 đồng (lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp là: 2.841.725.787 đồng).

Sau khi Cục thuế thanh tra đã xác định Thu nhập chịu thuế TNDN năm 2018 là 5.092.142.966 đồng. Tăng lên so với báo cáo là 2.250.417.179 đồng. Tuy nhiên, do lỗ lũy kế các năm trước nên năm 2018 công ty phải bù lỗ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

### IV. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

#### 1. Tình hình tự kê khai, tự nộp thuế của doanh nghiệp

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước theo báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty theo bảng sau:

*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	Số phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp cuối kỳ
1.Thuế GTGT	-15.145.790.804	40.701.963.301	17.238.081.696	8.318.090.801
2. Thuế XNK	0	0	0	0
3.Thuế TNDN	-406.303.028	0	0	-406.303.028
4.Thuế TNCN	-41.525.820	33.694.535	165.673.361	-173.504.646
5.Thuế môn bài	0	17.000.000	17.000.000	0
6. Thuế Nhà đất				
7.Tiền thuê đất	1.250.000	19.253.575.549	19.376.857.123	-122.031.574
8.Thuế khác	0	6.887.766	6.887.766	

- Số tiền phải nộp Ngân sách nhà nước tại thời điểm 31/12/2018 là: 20.077.244.007 đồng; trong đó phí sử dụng KCHT đường sắt: 11.564.558.473 đồng, các loại thuế: 8.512.685.534 đồng.

Các khoản phải nộp ngân sách trên được Công ty nộp vào tháng 01/2019.

### C. KIẾN NGHỊ



Căn cứ kết quả thanh tra nêu trên, Đoàn thanh tra kiến nghị với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội một số nội dung như sau:

1. Thực hiện rà soát, đối chiếu, đơn đốc thu hồi, xử lý các khoản nợ phải thu theo quy định của pháp luật; có kế hoạch, biện pháp tích cực đơn đốc thu hồi nợ, tránh để phát sinh nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp (nêu tại điểm 2.4, khoản 2, mục II, Phần B của Biên bản thanh tra).

2. Tăng cường công tác quản lý vốn đầu tư, tránh để xảy ra tình trạng tạm dừng các dự án đầu tư kéo dài như đã nêu, tiếp tục thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật (nêu tại điểm 2.2 khoản 2, mục II, Phần B của Biên bản thanh tra).

3. Làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận sử dụng đất/Hợp đồng thuê đất tại 14/18 cơ sở nhà đất mà công ty đã được giao quản lý.

4. Chấn chỉnh và rút kinh nghiệm đối với các tồn tại đã phát hiện qua thanh tra tại đơn vị; Xác định rõ nguyên nhân dẫn đến các tồn tại đã nêu trong Biên bản thanh tra để có hình thức kiểm điểm xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đến những tồn tại đã nêu trong Biên bản thanh tra cho phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Tổ chức thực hiện các kiến nghị nêu trên và gửi báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị về Thanh tra Bộ Tài chính (địa chỉ: số 28 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội) trước ngày 31/03/2020.

Biên bản này là cơ sở cho việc lập Kết luận thanh tra tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Biên bản được lập thành 05 bản có giá trị như nhau, Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội giữ 01 bản, Đoàn thanh tra giữ 04 bản. /.

**CÔNG TY CP VT ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**

**ĐOÀN THANH TRA BỘ TÀI CHÍNH**

**Tổng giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Trưởng đoàn**



**Nguyễn Việt Hiệp**

**Lương Văn Chiến**

**Đào Xuân Quý**